|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN CHỢ ĐỒN**Số: 97/BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Chợ Đồn, ngày 12 tháng 3 năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Công tác cải cách hành chính quý I năm 2024**

Thực hiện Văn bản số 252/SNV-TCBC&CCHC ngày 27/02/2024 của Sở Nội vụ về việc thực hiện báo cáo công tác cải cách hành chính quý I năm 2024.

Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) quý I năm 2024, như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH**

Về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính: Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính huyện Chợ Đồn năm 2024. Các đơn vị trực thuộc đã ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC năm 2024 và chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị.

Tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm của đơn vị: Công tác cải cách hành chính luôn được đơn vị xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thống nhất triển khai đồng bộ, bám sát theo các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh, của huyện về CCHC. Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai có trọng tâm, trọng điểm kế hoạch CCHC của huyện. Công tác kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật đặc biệt được quan tâm, chú trọng. Thủ tục hành chính thường xuyên được rà soát, kiểm soát. Quán triệt chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Công tác thu, chi ngân sách, quản lý tài chính theo quy định của pháp luật. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành. Đến nay Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn đã thực hiện các nhiệm vụ đạt trên 13% kế hoạch CCHC năm đề ra.

Về kiểm tra cải cách hành chính:Đơn vị đã xây dựng dự thảo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính; dự kiến ban hành và kiểm tra trong thời gian tới, kết thúc đợt kiểm tra, UBND huyện sẽ tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC: Kết hợp, lồng ghép tuyền truyền về Cải cách hành chính với việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến nhân dân trên địa bàn toàn huyện. Thông qua các cuộc họp, hội nghị, tập huấn góp phần nâng cao nhận thức về Cải cách hành chính của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử huyện, các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương thường xuyên cập nhật, đưa tin về công tác cải cách hành chính; trong đó 25 tin, bài, văn bản về Cải cách Hành chính được đơn vị tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin -Viễn thông của huyện *(loa truyền thanh các xã, thị trấn)*; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện. Lựa chọn các nội dung phù hợp đăng tải trên trang Fanpage của Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông huyện, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Kạn. Bên cạnh đó, công tác cải cách hành chính và các lĩnh vực cụ thể khác đều được các cơ quan, đơn vị tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân thông qua kết hợp trực tiếp và gián tiếp thông qua các cuộc họp, hội nghị…

Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: Tổng số nhiệm vụ được giao là: 37 *(13 nhiệm vụ có hạn xử lý, 24 nhiệm vụ không có hạn xử lý).*

+ Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành là: 32.

+ Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn: 0.

+ Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 05 *(đang trong hạn xử lý).*

Những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị: Trong quý I năm 2024 huyện Chợ Đồn chưa có mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng, triển khai tại đơn vị. Chủ yếu vẫn đang áp dụng các sáng kiến được công nhận năm 2023. UBND huyện đã ban hành Văn bản số 546/UBND-KT&HT ngày 07/3/2024 về việc giao thực hiện một số nội dung trong thực hiện xét, công nhận sáng kiến năm 2024. Trong thời gian tới UBND huyện Chợ Đồn sẽ tiến hành rà soát, tổng hợp đánh giá, thẩm định các đề tài sáng kiến, giải pháp có khả thi và tiến hành triển khai áp dụng tại đơn vị, địa phương.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC**

**1. Cải cách thể chế:**

***1.1. Công tác xây dựng, thẩm định, góp ý kiến văn bản quy phạm pháp luật:***

- UBND huyện thẩm định, ban hành 01 văn bản Quy phạm pháp luật *(Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND huyện Chợ Đồn về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

- Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 28/6/2013 của Hội đồng nhân dân huyện Chợ Đồn về việc phê chuẩn hồ sơ phân loại đơn vị hành chính cấp huyện.

- Đang lấy ý kiến 01 văn bản QPPL *(Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Thanh tra huyện).*

***1.2. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:***

- UBND huyện ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 02/02/2024 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm 2024. Theo kế hoạch ban hành, đã đôn đốc các đơn vị, cơ quan chuyên môn của UBND huyện, UBND xã, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2024 của địa phương mình và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch.

***1.3. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL:***

- Uỷ ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 29/12/2023 về kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 trên địa bàn huyện Chợ Đồn.

 - Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND huyện Chợ Đồn hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần và toàn bộ năm 2023.

- Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn kỳ 2019 - 2023.

- Chủ tịch UBND huyện ban hành Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 29/02/2024 báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019 - 2023.

- Phòng Tư pháp ban hành văn bản số 37/PTP ngày 05/3/2024 về việc hướng dẫn xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát.

***1.4. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:***

- UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các địa phương, đơn vị, các cơ quan, đoàn thể chủ động thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, áp dụng linh hoạt, kịp thời, phù hợp với từng địa bàn cơ sở, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của huyện, xã, mạng Internet, tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của huyện.

- Nội dung tuyên truyền cũng được UBND huyện quan tâm, chú trọng, tuyên truyền đa dạng các nội dung, như: Tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật của nhà nước, bám sát nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 theo Nghị quyết của HĐND huyện, những nhiệm vụ công tác trọng tâm của từng phòng, ban, đơn vị, đoàn thể cấp huyện và nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là chương trình nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch.

**2. Cải cách thủ tục hành chính:**

***2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC):***

a) Tình hình chung: Căn cứ các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các Văn bản:

- Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm 2024;

- Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 31/01/2024 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Chợ Đồn năm 2024;

- Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 07/02/2024 truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2024.

b) Công tác rà soát, đơn giản hoá TTHC:

- Căn cứ Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024, Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tham mưu cho UBND huyện ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 31/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024.

- Theo Kế hoạch đề ra, có 30 TTHC được thực hiện rà soát *(15 TTHC cấp huyện, 15 TTHC cấp xã)*; hiện nay đang trong giai đoạn thực hiện rà soát.

c) Đẩy mạnh việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính

- Quý I/2024 đơn vị đã triển khai thực hiện chứng thực điện tử được 20 việc. Đôn đốc các xã, thị trấn triển khai thực hiện ngay từ đầu năm.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại một số xã theo yêu cầu của UBND tỉnh, huyện. Đồng thời kiểm tra lồng ghép nhiệm vụ chuyên môn của Phòng.

d) Cập nhật số lượng TTHC:

- Số lượng TTHC cấp huyện là 261 TTHC;

- Số lượng TTHC cấp xã là 123 TTHC;

***2.2. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:***

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án thành lập trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh Bắc Kạn và Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại cấp huyện, cấp xã; Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 25/2/2019 của UBND huyện Chợ Đồn về việc thành lập Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện. Cụ thể:

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện có diện tích khoảng 80m2; 10 quầy giao dịch; 04 bộ máy tính; 02 máy in; 01 máy photo đa chức năng *(photo, in, scan)*; 01 bộ bàn, ghế để người dân chuẩn bị hồ sơ; 04 ghế ngồi chờ; có quạt trần, điều hòa nhiệt độ và nước uống phục vụ cá nhân, tổ chức đến giao dịch.

Công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả được UBND huyện phân công tại Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 gồm 06 người *(01 lãnh đạo phụ trách, 04 công chức trực thường xuyên, 01 công chức dự phòng).*

Kết quả giải quyết hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận là: 1.807 hồ sơ *(tiếp nhận trực tiếp 26 hồ sơ, tiếp nhận trực tuyến 1.326 hồ sơ, từ kỳ trước chuyển sang 408 hồ sơ);*

- Tổng số hồ sơ đã trả kết quả: 1.420 hồ sơ *(không có hồ sơ trả quá hạn)*;

- Tổng số hồ sơ chưa trả kết quả: 387 hồ sơ *(không có hồ sơ quá hạn).*

Trong kỳ báo cáo không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy:**

***3.1. Thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị***

- Duy trì tổ chức bộ máy hiện có, gồm 11 phòng chuyên môn, 03 Trung tâm *(Trung tâm Văn hoá, thể thao và Truyền thông, Trung tâm dịch vụ Nông Nghiệp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên)*; 01 đơn vị sự nghiệp công lập có thu *(Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện)*; 44 đơn vị trường học.

- Thực hiện đầy đủ, đúng theo các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp. Trong quý I năm 2024, Uỷ ban nhân dân huyện đã ban hành 01 Quyết định gồm: Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

***3.2. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc:*** Trong năm 2024 đơn vị tiếp tục rà soát, thực hiện sáp nhập các trường học trên địa bàn quản lý theo kế hoạch giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2025-2030.

***3.3. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của đơn vị:***

- Về công chức: UBND huyện thực hiện theo Quyết định số 5118/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Chợ Đồn về việc tạm giao biên chế công chức, tổng số lượng người làm việc và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện Chợ Đồn năm 2024.

+ Tổng số biên chế công chức được giao trong năm là 75 biên chế; có mặt tại thời điểm báo cáo là 75 biên chế;

+ Tại thời điểm báo cáo không có biên chế đã tinh giản.

- Về viên chức:

+ Tổng số viên chức làm việc được giao là 1.026 người;

+ Tổng số viên chức làm việc có mặt là 985 người;

+ Số người đã tinh giảm trong kỳ báo cáo là 01;

- Hợp đồng lao động: Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước là 05 hợp đồng. Số hợp đồng làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập là 13 người.

- Cán bộ, công chức đơn vị trực thuộc: Tổng số cán bộ, công chức cấp xã là 385, trong đó có 200 cán bộ và 185 công chức.

**4. Cải cách chế độ công vụ:**

***4.1. Việc bố trí sắp xếp vị trí việc làm công chức, viên chức:***

- Công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt đạt 100%.

- Viên chức sự nghiệp đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt đạt 97,98% đúng vị trí việc làm.

***4.2. Kết quả tuyển dụng viên chức:*** Thời điểm chốt số liệu báo cáo, Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn đã thực hiện xong kỳ thi tuyển dụng viên chức năm 2023. Số lượng thí sinh trúng tuyển là 49 người. Số lượng người trúng tuyển không đến nhận công tác là 01 người.

***4.3. Kết quả thực hiện thăng hạng viên chức:***

Tháng 12 năm 2023, UBND huyện đã thực hiện bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. UBND sẽ rà soát triển khai thực hiện thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định.

***4.4. Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:***

- Công chức lãnh đạo đơn vị: Từ thời điểm lấy số liệu báo cáo là ngày 15/12/2023 - 10/03/2024, Uỷ ban nhân dân huyện Chợ Đồn không có thay đổi về lãnh đạo.

- Lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới:Điều động và bổ nhiệm ông Lý Văn Chấn, Chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Chợ Đồn đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng phòng Lao động, thương binh và Xã hội huyện Chợ Đồn, kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2024.

- Đối với viên chức quản lý:Không có phát sinh.

+ Bổ nhiệm lại: Từ ngày 15/12/2023 đến 10/3/2024, UBND huyện đã bổ nhiệm lại đối với 01 công chức lãnh đạo quản lý và 03 viên chức quản lý.

***4.5. Xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức:*** Đến thời điểm chốt số liệu báo cáo không có cán bộ công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật.

**5. Cải cách tài chính công:**

***5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính-ngân sách:***

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được UBND tỉnh giao.

+ Thu ngân sách trên địa bàn (thu nội địa) đạt 16.466,9 triệu đồng. Kế hoạch giao đầu năm 139.000 triệu đồng, đạt 11,85% kế hoạch.

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 15.412,85 triệu đồng. Kế hoạch giao đầu năm 129.990 triệu đồng, đạt 11,86% kế hoạch.

- Tổng chi ngân sách địa ph­ương: 82.620,87 triệu đồng. Kế hoạch giao đầu năm 640.720 triệu đồng, đạt 12,9% kế hoạch.

Trong đó:

+ Chi đầu t­ư phát triển: 16.318,28 triệu đồng, chiếm 2,55% kế hoạch;

+ Chi thường xuyên: 66.302,59 triệu đồng, chiếm 10,35% kế hoạch.

- Thực hiện 03 chương trình MTQG:

a. CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN: Kế hoạch giao đầu năm: 74.477 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn đầu tư: 35.058 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 09/3/2024 là 5.893 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 39.419 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 09/3/2024 đạt 93,292 triệu đồng, đạt 0,24% kế hoạch.

b. CTMTQG giảm nghèo bền vững: Kế hoạch giao đầu năm: 10.595 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn sự nghiệp: 10.595 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 09/3/2024 đạt 112,225 triệu đồng, đạt 1,06% kế hoạch.

c. CTMTQG Xây dựng nông thôn mới: Kế hoạch giao đầu năm: 48.914 triệu đồng.

Trong đó:

+ Vốn đầu tư: 41.642 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 09/3/2024 đạt 2.593 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 7.272 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 09/3/2024 đạt 0 triệu đồng.

- Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công:

Để triển khai thực hiện nghiêm, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ những tháng đầu năm 2024 và xác định rõ nội dung, trách nhiệm cụ thể của các chủ đầu tư, các phòng ban chuyên môn với quyết tâm cao nhất thực hiện mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công kế hoạch vốn năm 2024 đồng thời tập trung tháo gỡ và giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc đối với từng nguồn vốn, từng dự án trong thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, góp phần phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư công, tạo động lực lan tỏa nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện đạt và vượt các mục tiêu phát triển kinh tế -xã hội của huyện năm 2024. UBND huyện Chợ Đồn đã ban hành Kế hoạch thực hiện và cam kết giải ngân vốn đầu tư công năm 2024.

Để đảm bảo tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao và có cơ sở theo dõi, giám sát, đánh giá tiến độ giải ngân, triển khai thực hiện dự án của các Chủ đầu tư. Phòng Tài chính - Kế hoạch đã tham mưu Uỷ ban nhân dân huyện yêu cầu các chủ đầu tư căn cứ các Quyết định giao vốn lập Kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân cho từng công trình, dự án và có văn bản cam kết tiến độ giải ngân theo quy định.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2024: **177.564 triệu đồng**. Trong đó:

+ Nguồn vốn đầu tư công: 100.864 triệu đồng.

+ Nguồn vốn đầu tư thực hiện các Chương trình MTQG: 76.700 triệu đồng *(trong đó: vốn CTMTQG XD NTM: 41.642 triệu đồng; vốn CT DTTS: 35.058 triệu đồng).*

+ Tổng giải ngân kế hoạch vốn năm đến ngày 09/3/2024 là: **16.318,281 triệu đồng/177.564 triệu đồng, đạt 9,19%** *(nguồn vốn đầu tư công: 7,76%; Vốn Chương trình MTQG XD NTM đạt: 6,23%, vốn CT MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN đạt: 16,81%).*

- UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện khắc phục, rút kinh nghiệm những tồn tại, thiếu sót trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng ngân sách sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tài chính ngân sách.

***5.2. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:***

Ngay từ đầu năm 2024, UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo việc cập nhật tài sản công trên hệ thống phần mềm quản lý tài sản công đảm bảo đầy đủ, kịp thời theo quy định; triển khai, tham gia tập huấn sử dụng phần mềm quản lý sử dụng tài sản công năm 2024 đối với tất cả các đơn vị trên địa bàn huyện.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất để kịp thời tham mưu cho cấp có thẩm quyền trình phê duyệt thay đổi, bổ sung phương án; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tổ chức thực hiện theo các phương án đã được phê duyệt để kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập và đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh.

Hướng dẫn các đơn vị thực hiện xử lý bán vật tư vật liệu thu hồi sau thanh lý tài sản theo các hình thức chỉ định giá, niêm yết giá trên trang thông tin điện tử về tài sản công đảm bảo theo đúng quy định.

Thực hiện Quyết định 1205/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 ban hành tiêu chuẩn, định mức, máy móc thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện. Đến nay, các cơ quan, đơn vị thực hiện mua sắm và sử dụng tài sản công đảm bảo theo định mức theo quy định. Ngay từ đầu năm, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã ban hành Quy chế sử dụng, quản lý tài sản công theo quy định.

***3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập(theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan).***

Năm 2024, trên địa bàn huyện Chợ Đồn có 51 đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó:

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên: 02 đơn vị *(Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện, Ban Quản lý chợ thị trấn Bằng Lũng).*

- Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên: 01 đơn vị *(Ban Quản lý bến xe khách thị trấn Bằng Lũng).*

- Số đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên: 48 đơn vị *(gồm 44 Đơn vị trường học; Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp; Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thông; Trung tâm GDNN- GDTX huyện; Trung tâm Bồi dưỡng chính trị).*

**6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:**

***6.1. Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:***

UBND huyện chỉ đạo, quán triệt nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước; ban hành các kế hoạch, văn bản quy định, chỉ đạo, đôn đốc về xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Cụ thể:

+ Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 30/01/2024 vể việc Chuyển đổi số huyện Chợ Đồn năm 2024.

+ Ban hành Văn bản chỉ đạo, đôn đốc, thúc đẩy các hoạt động Chuyển đổi số trên địa bàn huyện;

+ Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh; ban hành văn bản thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan ngành dọc cấp trên.

***6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật:***

- Hạ tầng CNTT:

- Tổng số máy tính trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức đạt 100%; Tỷ lệ máy tính được kết nối Internet đạt 100% *(trừ máy tính phục vụ công tác soạn thảo văn bản mật)*. 100% các cơ quan, đơn vị của huyện có kết nối Internet băng thông rộng và có kết nối mạng LAN.

- 100% các cơ quan nhà nước đều sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Hệ thống truyền hình trực tuyến cấp huyện, cấp xã hoạt động ổn định, thông suốt đảm bảo phục vụ tốt cho các cuộc họp trực tuyến từ trung ương đến địa phương.

- Hoạt động viễn thông, Internet trên địa bàn huyện ngày càng ổn định, cơ sở hạ tầng viễn thông, Internet tiếp tục được đầu tư, củng cố, phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại. Mạng internet cáp quang, mạng di động được phủ sóng 100% các xã, thị trấn trong huyện, đảm bảo kết nối, thông tin liên lạc thông suốt, đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển CNTT, chuyển đổi số của người dân, doanh nghiệp.

- Nguồn nhân lực CNTT: Tại cấp huyện: 02 chuyên viên có trình độ Đại học về ngành CNTT phụ trách về mảng CNTT của huyện *(01 quản trị mạng ở Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; 01 quản lý nhà nước ở phòng Văn hóa và Thông tin huyện)*. Các phòng, ban, uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn mỗi đơn vị đều phân công các cán bộ chuyên môn khác làm đầu mối, kiêm nghiệm phụ trách công nghệ thông tin, không có trình độ chuyên sâu về công nghệ thông tin.

***6.3. Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:***

- Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc: Hệ thống phần mềm VNPT - iOffice đã được triển khai liên thông đồng bộ từ cấp huyện đến cấp xã.

- Sử dụng hộp thư điện tử công vụ: Đến nay 100% cán bộ, công chức, viên chức đều được cấp thư điện tử công vụ; tuy nhiên, tỷ lệ sử dụng thường xuyên thư điện tử công vụ đạt trên 85%.

- Chữ ký số chuyên dùng: Huyện Chợ Đồn đã được cấp với tổng số hơn 500 thiết bị lưu khóa bí mật. Đến nay, đa số các cơ quan, đơn vị được cấp đã thực hiện triển khai sử dụng ổn định chữ ký số theo quy định, đúng quy trình.

***6.4. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:***

- Hoạt động Cổng thông tin điện tử huyện: Thông tin cơ bản được đăng tải, cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử với nội dung chủ yếu là các văn bản chỉ đạo, điều hành của Uỷ ban nhân dân huyện, các tin, bài phản ánh về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng; gương người tốt việc tốt; thông tin cơ bản về các đơn vị hành chính, các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị thuộc huyện; việc cung cấp thông tin trên CTTĐT huyện cơ bản đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ. Trong quý I năm 2024, CTTĐT đăng tải hơn 200 tin, bài và các văn bản chỉ đạo điều hành của HĐND và UBND huyện lên Cổng.

- Hệ thống một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông: Trong quý I năm 2024, hệ thống một cửa điện tử, một của điện tử liên thông của huyện đã tiếp nhận 1.750 hồ sơ.

- Sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích (BCCI): Kết quả giải quyết hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI: Trong quý I, năm 2024, Bộ phận một cửa huyện chưa nhận và trả được bộ hồ sơ nào qua dịch vụ BCCI.

***6.5. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến***

- Tỷ lệ cung cấp DVCTT: Tại cấp huyện, tỷ lệ cung cấp DVCTT 73,5% (189/257 TTHC); tại cấp xã, tỷ lệ cung cấp DVCTT 65,8% (62/75TTHC).

- Tình hình sử dụng DVCTT: Hệ thống Một cửa điện tử của huyện đã tiếp nhận 426 hồ sơ trực tuyến/1.750 hồ sơ tiếp nhận *(số liệu tổng hợp đến 11/3/2024)*, đạt tỷ lệ 24,3%.

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Mặt tích cực:**

Công tác triển khai cải cách hành chính những tháng đầu năm 2024 của đơn vị đạt được những mục tiêu nhất định. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc tham mưu ban hành các văn bản thực hiện công tác CCHC kịp thời theo kế hoạch CCHC của Uỷ ban nhân dân huyện; công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL được quan tâm thực hiện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả duy trì ổn định, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng thời hạn cho người dân và doanh nghiệp; việc thu phí, lệ phí theo quy định; công chức, viên chức của đơn vị và các đơn vị trực thuộc cơ bản thực hiện nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương theo đúng quy định; thực hiện chế độ tự chủ tài chính trong hoạt động của đơn vị; nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số các cấp đã có những chuyển biến rõ rệt, như: ban hành các Kế hoạch để tổ chức triển khai các nhiệm vụ ngay từ đầu năm; công chức, viên chức đơn vị tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ, công tác tuyên truyền CCHC, chuyển đổi số được quan tâm, thực hiện với nhiều hình thức như lồng ghép các cuộc họp, hội nghị, cổng thông tin điện tử của huyện và các trang thông tin điện tử của các xã, thị trấn.

**2. Những khó khăn vướng mắc:**

**-** Người dân chưa quan tâm nhiều trong việc tiếp cận các tiện ích, các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Việc tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin của đại đa số người dân còn hạn chế. Vẫn còn xảy ra tình trạng hồ sơ thực tế được giải quyết đúng hạn nhưng cập nhật, thao tác trên phần mềm một cửa điện tử chậm.

- Việc ứng dụng CNTT, hiện đại hóa hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử, chính quyền số chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Các đơn vị, địa phương chưa có giải pháp hữu hiệu đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Chưa có các giải pháp để hình thành được “Công dân điện tử” theo Chỉ thị 03 của UBND tỉnh; trình độ hiểu biết, ứng dụng về CNTT của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn huyện còn hạn chế. Tỷ lệ hồ sơ DVCTT còn rất thấp.

- Nguồn kinh phí còn hạn hẹp chưa thể đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

- Việc triển khai các ứng dụng CNTT và đầu tư các thiết bị đảm bảo an toàn thông tin trong xây dựng CQĐT tại một số đơn vị còn thụ động. Nhận thức về đảm bảo ATTT mạng của một bộ phận CBCCVC chưa đầy đủ, thiếu kỹ năng và kiến thức trong việc bảo đảm ATTT trên mạng.

- Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa sử dụng thư điện tử công vụ được cấp thường xuyên; một số ít cán bộ, công chức cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc còn yếu.

**IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM TRONG QUÝ II/2024**

**1. Về thể chế:** Tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn.

**2. Về thủ tục hành chính:**

- Tập trung rà soát, đơn giản và nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết bằng hình thức thiết thực và thích hợp.

- Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính; giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn huyện.

- Triển khai các phương pháp đánh giá sự hài lòng của cá nhân, tổ chức trong giải quyết các thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện.

**3. Về tổ chức bộ máy:** Rà soát, kịp thời điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các cơ quan chuyên môn. Trên cơ sở đó điều chỉnh, sắp xếp lại phù hợp, khắc phục chồng chéo, trùng lắp về chức năng, nhiệm vụ đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

**4. Về chế độ công vụ:**

- Thực hiện sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ, công chức, viên chức trong quy hoạch.

- Tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các phòng, ban, đơn vị, UBND cấp xã; thực hiện đúng, kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

**5. Về tài chính công:** Tiếp tục kiện toàn cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

**6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số:**

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực Hiện đại hóa nền hành chính trong cán bộ, công chức; tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp khai thác, ứng dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao của huyện.

- Tăng cường phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng CNTT.

 - Chỉ đạo thực hiện quyết liệt hơn nữa việc ứng dụng CNTT trên địa bàn, trong đội ngũ cán bộ công chức, viên chức. Đảm bảo xây dựng, hoàn thiện Chính quyền điện tử các cấp trên địa bàn huyện.

- Thực hiện đồng bộ giữa cải cách thủ tục hành chính với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh công tác phối hợp trong đơn vị.

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không.**

Trên đây là Báo cáo cải cách hành chính quý I năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****Gửi bản điện tử:*- Sở Nội vụ;- TT Huyện ủy; (B/cáo)- TT HĐND huyện;- LĐ UBND huyện;- LĐ Văn phòng;- Các phòng chuyên môn huyện; - UBND các xã, thị trấn;- Lưu: VT, TH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Ma Doãn Kháng** |

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

 **CÔNG TÁC CCHC**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /3/2024 của UBND huyện)*

| **STT** | **Chỉ tiêu thống kê***(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)* | **Kết quả thống kê** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị tính** | **Số liệu** |
| **1** | **Công tác chỉ đạo điều hành CCHC** |  | 01 | Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24/01/2024  |
| **1.1** | **Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành** *(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)* | Văn bản | 03 |  |
| **1.2** | **Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | % | 13 |  |
| 1.2.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 54 |  |
| 1.2.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 7 | Tiếp tục thực hiện đối với các nhiệm vụ thực hiện thường xuyên |
| **1.3** | **Kiểm tra CCHC** |  |  |  |
| 1.3.1 | Số UBND cấp xã đã kiểm tra | Đơn vị | 0 |  |
| 1.3.2 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 0 |  |
| 1.3.3 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 0 |  |
| 1.3.4 | Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra | % | 0 |  |
| **1.4** | **Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao** |  |  |  |
| 1.4.1 | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | 37 |  |
| 1.4.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 32 |  |
| 1.4.3 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 0 |  |
| 1.4.4 | Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành  | Nhiệm vụ | 0 |  |
| **1.5** | **Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức** |  |  |  |
| 1.5.1 | Số lượng phiếu khảo sát | Số lượng | UBND tỉnh thực hiện đánh giá trên phần mềm |  |
| 1.5.2 | Hình thức khảo sát | Trực tuyến;Phát phiếu; Kết hợp |  |
| **1.6** | **Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp** | Có/không |  | Tiếp tục thực hiện trong thời gian tới  |
| **2** | **Cải cách thể chế** |  |  |  |
| **2.1** | **Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành** | Văn bản | 02 |  |
| **2.2** | **Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền** | Văn bản | 02 |  |
| 2.2.1 | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra | % | 0 |  |
|  | *Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra* | *Văn bản* |  |  |
| *Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong* | *Văn bản* |  |  |
| **2.3** | **Rà soát VBQPPL** |  | 0 |  |
| 2.3.1 | Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền | Văn bản |  |  |
| 2.3.2 | Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát | % |  |  |
|  | *Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát* | *Văn bản* |  |  |
| *Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong* | *Văn bản* |  |  |
| **3** | **Cải cách thủ tục hành chính** |  |  |  |
| **3.1** | **Thống kê TTHC** |  |  |  |
| 3.1.1 | Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa | Thủ tục | 0 |  |
| 3.1.2 | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | 2 |  |
| 3.1.3 | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | 14 |  |
| 3.1.4 | Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị | Thủ tục |  |  |
| *Trong đó* | *Số TTHC cấp huyện* | *Thủ tục* | 261 | *Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc* |
| *Số TTHC cấp xã* | *Thủ tục* | 123 | *Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc* |
| **3.2** | **Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông** |  |  |
| 3.2.1 | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 28 |  |
| 3.2.2 | Số TTHC liên thông giữa các cấp | Thủ tục | 14 |  |
| 3.2.3 | Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. | Thủ tục | 2 |  |
| **3.3** | **Kết quả giải quyết TTHC** |  |  |  |
| 3.3.1 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 100 |  |
|  | *Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong* | *Hồ sơ* | 1.002 |  |
| 3.3.2 | *Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn* | *Hồ sơ* | 1.002 |  |
| Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | 73,2 | *Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc* |
|  | *Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong* | *Hồ sơ* | 1.596 |  |
| **3.4** | *Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn* | *Hồ sơ* | 1.169 |  |
| **Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC** | % |  |  |
| 3.4.1 | Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến) | PAKN | 0 |  |
| 3.4.2 | Số PAKN đã giải quyết xong | PAKN | 0 |  |
| **4** | **Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước** |  |  |  |
| **4.1** | **Số phòng chuyên môn** | Phòng, tương đương | 11 |  |
| **4.2** | **Số ban, chi cục... trực thuộc** | Đơn vị |  |  |
| **4.3** | **Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc** | Đơn vị | 47 | 03 trung tâm, 44 đơn vị trường học, 01 đv sự nghiệp có thu |
| **4.4** | **Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015** | % | 13,6 |  |
| **4.5** | **Số liệu về biên chế công chức** |  |  |  |
| 4.5.1 | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 75 |  |
| 4.5.2 | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 75 |  |
| 4.5.3 | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 05 |  |
| 4.5.4 | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 |  |
| 4.5.5 | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 10,58 |  |
| **4.6** | **Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập** |  |  |  |
| 4.6 | Tổng số người làm việc được giao | Người | 1.026 |  |
| 4.6.1 | Tổng số người làm việc có mặt | Người | 985 |  |
| 4.6.2 | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 01 |  |
| 4.6.3 | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | 6,4% |  |
| **5** | **Cải cách chế độ công vụ** |  |  |  |
| **5.1** | **Vị trí việc làm của công chức, viên chức** |  |  |  |
| 5.1.1 | Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt | % | 100 |  |
| 5.1.2 | Số viên chức sự nghiệp đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt | % | 97,98 |  |
| **5.2** | **Tuyển dụng viên chức** |  |  |  |
| 5.2.1 | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người | 49 | 01 người trúng tuyển không đến nhận công tác |
| 5.2.2 | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người |  |  |
| **5.3** | **Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển** *(lũy kế từ đầu năm)* |  |  |  |
| 5.3.1 | Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới | Người | 0 |  |
| 5.3.2 | Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới | Người | 01 |  |
| 5.3.3 | Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm mới | Người | 0 |  |
| 5.3.4 | Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lại | Người | 0 |  |
| 5.3.5 | Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm lại | Người | 01 |  |
| 5.3.6 | Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm lại | Người | 03 |  |
| **5.4** | **Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức** *(cả về Đảng và chính quyền).* |  | 0 |  |
| 5.4.1 | Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật. | Người | 0 |  |
| 5.4.2 | Số lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật. | Người | 0 |  |
| 5.4.3 | Số công chức, người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | 0 |  |
| **6** | **Cải cách tài chính công** |  |  |  |
| **6.1** | **Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công** | % | 9,2%. |  |
| 6.1.1 | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | 177.564 |  |
| 6.1.2 | Đã thực hiện | Triệu đồng | 16.318,281 |  |
| **6.2** | **Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* |  |  |  |
| 6.2.1 | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị | 0 |  |
| 6.2.2 | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị | 0 |  |
| 6.2.3 | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* |  | 0 |  |
|  | *Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên* | *Đơn vị* |  |  |
| *Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên* | *Đơn vị* |  |  |
| *Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên* | *Đơn vị* |  |  |
| 6.2.4 | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| 6.2.5 | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)* | Cơ quan, đơn vị |  |  |
| **7** | **Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử,**  **chính quyền số** |  |  |  |
| **7.1** | **Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước**  |  |  |  |
| Trong đó | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử *(sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)*. | % | 98 |  |
| Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy | % | 2 |  |
| **7.2** | **Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến** |  |  |  |
| 7.2.1 | Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình | % | 100 |  |
|  | *Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình* | *Thủ tục* | 393 |  |
| *Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình* | *Thủ tục* | 191 |  |
| *Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến* | *Thủ tục* | 23 |  |
| 7.2.2 | Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia | % | 191 |  |
|  | *Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình của cơ quan, đơn vị* | *Thủ tục* | 191 |  |
| *Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia* | *Thủ tục* | 191 |  |
| 7.2.3 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến *toàn trình (chỉ thống kê đối với các TTHC toàn trình có phát sinh hồ sơ)*  | % | 24,3 |  |
|  | *Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)* | *Hồ sơ* | 1750 |  |
| *Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến* | *Hồ sơ* | 426 |  |
| 7.24 | Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến | % |  |  |
|  | *Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)* | *Thủ tục* |  |  |
| *Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.* | *Thủ tục* |  |  |